

MỐI QUAN HỆ GIỮA BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VÀ VẤN ĐỀ THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM

NGUYỄN MINH NHÂM* - ĐẶNG ÁNH TUYẾT**

Theo Báo cáo về tình hình trẻ em trên thế giới năm 2007 của UNICEF, tại những nơi mà phụ nữ được trao quyền đầy đủ để sống và lao động thì trẻ em phát triển tốt, ngược lại, ở những nơi mà phụ nữ bị chối bỏ các quyền quan trọng thì trẻ em chịu khó khăn, thiệt thòi. Thật vậy, nếu người mẹ khỏe mạnh, có học vấn và được trao quyền thường có những đứa con khỏe mạnh, được học hành và tự tin hơn. Nếu người mẹ được chăm sóc sức khỏe tốt, được khám thai thường xuyên thường sinh được những đứa con khỏe mạnh. Nhưng trên thực tế, bất bình đẳng giới trong việc chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng đã dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em. Tại Ấn Độ, 1/3 trẻ em sinh ra bị thiếu cân, tỷ lệ này ở Bangladesh là 1/2, đối với các em gái tỷ lệ này còn thấp hơn, trong khi đó ở vùng cận Xahara tại châu Phi tỷ lệ này là 1/6. Không thể giải thích điều này bằng mức thu nhập bình quân vùng cận Xahara, ít nhất cùng thấp ngang bằng Ấn Độ. Cũng không thể giải thích bằng bất bình đẳng về thu nhập vì bất bình đẳng ở Nam Á thấp hơn ở châu Phi, mà chỉ có thể giải thích rằng sự khác biệt đó phản ánh điều kiện của phụ nữ và đặc biệt là tình hình sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ. Người ta quan sát thấy hầu hết phụ nữ ở Nam Á chỉ tăng được 5 kg trong thời gian mang thai, trong khi ở châu Phi mức tăng bình quân là gần 10 kg¹.

Người mẹ được học hành, có trình độ học vấn càng cao thì càng có hiểu biết về Quyền trẻ em, có kỹ năng chăm sóc, nuôi dạy con cái, quan tâm nhiều hơn đến việc học hành của con cái. Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy, cha mẹ có học vấn càng cao thì mức độ quan tâm đến việc học của con càng nhiều. Kết quả đánh giá thực trạng năng lực chăm sóc, giáo dục trẻ em của các gia đình khu vực nông thôn phía Bắc năm 2008 cũng cho thấy, kiến thức của cha mẹ về bệnh béo phì tỷ lệ thuận với trình độ học vấn: trình độ đại học, trung cấp, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học lần lượt có tỷ lệ là 100%, 93,3%, 83,9%, 77,8%, 50%. Các nghiên cứu xã hội học về giáo dục đều cho thấy, một tỷ lệ bỏ học rất đáng kể của trẻ em xuất thân từ gia đình nghèo, cha mẹ ít học.

Song trên thực tế, phụ nữ ít được tiếp cận giáo dục hơn so với nam giới. Theo kết quả Điều tra chọn mẫu năm 1997 - 1998 của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam, tỷ lệ dân số nữ từ 15 tuổi trở lên chưa đến trường là 13,4%, nhiều hơn 2 lần so với nam 5,2%. Số năm đi học trung bình của dân số nam từ 6 tuổi trở lên là 6,7 năm, trong khi số năm đi học trung bình của nữ là 5,6 năm. Theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF

* Ban Tuyên giáo tỉnh Bình Phước.

** Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Jonsson U. và đồng nghiệp, (1996); trích theo Devylder Stefan. (2000). *Chính sách kinh tế vĩ mô và quyền trẻ em*. Save the children Sweden.

và UNESCO, trên toàn quốc có 90% trẻ em hoàn thành bậc giáo dục tiểu học, nhưng con số này ở vùng Tây Nguyên là 43%, ở vùng núi phía Bắc là 48%. Như vậy, ở miền núi có tới 1/3 trẻ em không học hết lớp 5 và 70% số học sinh bỏ học là trẻ em gái. Theo kết quả Điều tra tiêu chuẩn sống hộ gia đình Việt Nam năm 2002, cả nước có gần 500.000 trẻ em trong độ tuổi học tiểu học (6%) không đăng ký nhập học, đa số là trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em gái, chỉ có 6% trẻ em dân tộc Kinh không đăng ký nhập học tiểu học (50% trẻ em trai và 50% trẻ em gái) so với 60% trẻ em H'mông (trong số đó 70% trẻ em gái và 30% trẻ em trai). Khi gia đình gặp khó khăn về tài chính, nguồn lực lao động thì trẻ em gái và phụ nữ sẽ phải bỏ học trước. Hơn nữa, công việc gia đình đã khiến trẻ em gái và phụ nữ ít có thời gian học tập hơn trẻ em trai và nam giới. Tỷ lệ mù chữ ở phụ nữ cao hơn nam giới. Càng ở những trình độ đào tạo cao tỷ lệ học sinh nữ càng giảm dần. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2007, ở học hàm phó giáo sư nam là 88,33% và nữ là 11,67%; ở học hàm giáo sư là 94,9% và 5,1%; học vị tiến sĩ khoa học nam là 90,33% và nữ là 9,78%; học vị tiến sĩ nam chiếm 82,98%, nữ là 17,02%; thạc sĩ có 69,47% nam và 30,53% nữ. Tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo còn thấp hơn nhiều so với nam. Tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo nghề chỉ đạt 20,45%, bằng 30% so với nam giới. Lao động nữ có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chỉ bằng 42% so với nam giới. Trong sản xuất nông nghiệp, phụ nữ ít được tham gia tập huấn kỹ thuật, vẫn còn tình trạng “nữ làm, nam học”.

Một trong những hậu quả của trình độ học vấn, chuyên môn thấp của phụ nữ là thường gắn với ít cơ hội có việc làm, thu nhập thấp và thất nghiệp, tính cạnh tranh trên thị trường lao động không cao. Theo Điều tra năm 2007 của Tổng cục Thống kê, thu nhập của phụ nữ chỉ bằng 74,5% so với nam giới trong các làng nghề, lĩnh vực, bằng 81,5% thu nhập của lao động nam ở cùng trình độ chuyên môn kỹ thuật bậc trung, bằng 90,1% ở cùng trình độ cao đẳng và chỉ bằng 86% ở cùng trình độ từ đại học trở lên. Thực tế này ảnh hưởng đến thu nhập của gia đình, địa vị kinh tế và tiếng nói của người phụ nữ trong việc ra quyết định, cản trở việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục con cái trong gia đình. Hơn nữa, tiếng nói của người mẹ trong việc ra quyết định trong gia đình tác động rất lớn đến dinh dưỡng, sức khỏe, việc sinh con, số con, việc kế hoạch hóa gia đình và việc học hành của con cái... Cho nên, có thể nói giáo dục cho trẻ em gái mang lại nhiều lợi ích xã hội chung hơn so với trẻ em trai.

Phân công lao động trong gia đình vẫn là một biểu hiện sinh động của bất bình đẳng giới. Vị thành niên nam tham gia việc nội trợ thấp hơn đáng kể so với vị thành niên nữ, điều này các em học từ gia đình. Chỉ có 49,8% vị thành niên nam đi chợ mua thức ăn, trong khi tỷ lệ này ở vị thành niên nữ là 80,1%. 79,2% vị thành niên nam nấu ăn so với 97,5% vị thành niên nữ. Số giờ làm việc nhận tiền công trung bình 1 tuần của nam vị thành niên thấp hơn đáng kể so với nữ vị thành niên (14,9 giờ so với 20,9 giờ) và thấp hơn đối với từng loại nghề nghiệp. Trẻ lao động sớm đóng góp được khá nhiều cho gia đình. Tuy nhiên, lao động sớm và quá sức sẽ khiến trẻ không còn thời gian học tập, vui chơi, giải trí, làm cho sức khỏe, tinh thần bị suy sụp, quyền trẻ em bị vi phạm.

Ở nhóm người trưởng thành, số nam giới tham gia các công việc nội trợ chỉ chiếm 3,5%, trong khi đó ở phụ nữ tỷ lệ này lên đến 82,5%. Việc chăm sóc người già, người ốm trong gia đình cũng gần như là “thiên chức” của phụ nữ. Trong khi ở hoạt động sản

xuất, kinh doanh, tỉ lệ nữ và nam tham gia gần như nhau, với 27,6% nữ và 36,7% nam. 68,3% phụ nữ chăm sóc con, nhưng chỉ có 2,4% nam giới chia sẻ việc này với phụ nữ. Do vậy, phụ nữ đang phải làm việc nhiều hơn nam giới 3 - 4 tiếng mỗi ngày. Bản chất công việc gia đình không nặng nhọc, nhưng phải mất rất nhiều thời gian. Nếu không được chồng san sẻ thì tất cả những công việc đó sẽ đè nặng lên vai người phụ nữ, khiến họ không có thời gian nghỉ ngơi. Điều này không chỉ tác động xấu đến sức khỏe mà còn ảnh hưởng nhiều đến chất lượng lao động, đến hạnh phúc gia đình, đến chất lượng công việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục con cái. Sự chia sẻ của người chồng trong việc chăm sóc con cái một phần làm giảm áp lực công việc với phụ nữ, một phần làm tăng trách nhiệm và sự đóng góp vào việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục con cái, theo đó quyền trẻ em được bảo đảm tốt hơn. Theo nghiên cứu của European Professional Women Network, khi người chồng chia sẻ việc gia đình, con cái họ mạnh khỏe hơn, kết quả học tập tốt hơn và cũng ít vấn đề về tâm lý. Vợ họ cũng hạnh phúc hơn, ít bị trầm cảm và sức khỏe tốt lên, quan hệ vợ chồng được cải thiện rõ rệt. Ưu điểm lớn nhất của phân chia công bằng việc nội trợ là đề cao sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau trong gia đình và tạo cơ hội phát triển cho cả hai giới. Khi người đàn ông phục vụ các công việc trong gia đình cho những người thân, điều đó dạy cho chính những đứa con của họ tính chia sẻ, hợp tác và yêu quý giá trị gia đình nhiều hơn.

Sở hữu tài sản là một vấn đề liên quan đến mối quan hệ địa vị và quyền lực giữa người vợ và người chồng trong gia đình. Hiện nay, phần lớn các tài sản có giá trị trong gia đình đều do người chồng đứng tên, như đất đai 81,4% người chồng đứng tên, tỷ lệ này ở người vợ là 10,9%; ô tô 76,4% người chồng và 21,6% người vợ đứng tên; xe máy 80,5% người chồng và 9,5% người vợ đứng tên... Trong việc phân chia tài sản vẫn có hiện tượng ưu tiên cho con trai là chủ yếu với 28,7% số người trả lời cho biết ưu tiên cho con trai hơn, chỉ có 0,6% ưu tiên con gái hơn và hộ gia đình nông thôn ưu tiên cho con trai gấp hai lần ở thành thị (tỷ lệ 33,8% so với 15,1%). Vị thành niên nam được cha mẹ hỏi ý kiến về việc phân chia tài sản cao hơn 1,7 lần so với vị thành niên nữ (7,5% so với 4,3%). Thực tế này chính là lý do vì sao người chồng có quyền quyết định và có tiếng nói cao hơn người vợ. Không đứng tên sở hữu tài sản dẫn đến những khó khăn cho phụ nữ khi cần thế chấp tài sản để phát triển sản xuất. Người phụ nữ luôn ở vào vị thế phụ thuộc, vai trò giới không được phát huy, vì thế đói nghèo, chậm phát triển luôn là ân oán đối với phụ nữ và con cái. Đặc biệt đây chính là cơ sở để duy trì tính gia trưởng của người đàn ông, một trong những nguyên nhân dẫn đến bạo lực của chồng đối với vợ trong gia đình, mà người chịu hậu quả của bạo lực gia đình không ai khác chính là phụ nữ và trẻ em. Theo các chuyên gia tâm lý xã hội, hành vi bạo lực trong cách cư xử của cha mẹ sẽ gây chấn thương tâm thần ở trẻ em, đôi khi kéo dài suốt cả cuộc đời. Nhiều em vì buồn chuyện gia đình mà học hành giảm sút, sa vào các tệ nạn xã hội, dễ có hành động bạo lực, hoặc tâm tính thụ động... Nhiều trường hợp trẻ em bị cha mẹ đánh đập vì tuổi thơ của chính cha mẹ cũng bị ngược đãi. Thực tế cho thấy, phần lớn phụ nữ và trẻ em gái trước khi trở thành nạn nhân của bọn buôn người đã là nạn nhân của sự phân biệt giới trong gia đình, như bị bạo hành, bị đối xử không công bằng, không được đi học, bắt lao động... Có thể nói, người phụ nữ sẽ cảm thấy phần khởi vì được làm chủ tài sản gia đình

ngang với chồng, từ đó tạo tâm lý thoải mái cho cả gia đình, dẫn tới không khí gia đình đầm ấm, kinh tế gia đình phát triển, con cái được chăm sóc tốt hơn; trong trường hợp ly hôn thì cũng chủ động hơn về việc phân chia tài sản, đảm bảo để người vợ tham gia quản lý, bảo vệ tài sản cho con cái, yên tâm hơn để đóng góp công sức của mình với gia đình.

Hiện nay, xu hướng lựa chọn giới tính thai nhi, với tỷ lệ 112 nam/100 nữ đang là vấn đề xã hội nóng bỏng. Nó không chỉ cho thấy sự mất cân bằng giới tính mà còn cho thấy sự bất bình đẳng giới ở mức căng thẳng. Theo kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006, có 36,7% người trả lời ở độ tuổi 18-60 cho rằng gia đình nhất thiết phải sinh con trai.

Có thể thấy, sự bất bình đẳng giới trong gia đình không chỉ xảy ra giữa phụ nữ và nam giới (người lớn) mà còn xảy ra ngay cả với trẻ em gái và trẻ em trai. Đây chính là biểu hiện của sự vi phạm quyền trẻ em. Vì theo Điều 2, Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em: các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm những quyền được nêu ra trong Công ước đối với mỗi trẻ em mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào, nguyên tắc không phân biệt và bình đẳng trong việc thực hiện quyền trẻ em đòi hỏi tất cả mọi trẻ em đều có thể được hưởng sự thực hiện đầy đủ các quyền của mình trong thực tế. Hay nói cách khác, bất bình đẳng giới đã cản trở trẻ em được hưởng đầy đủ các quyền của mình và tiếp tục duy trì bất bình đẳng giới. Bất bình đẳng giới cản trở việc thực hiện quyền trẻ em và không thực hiện tốt quyền trẻ em tiếp tục duy trì bất bình đẳng giới.

Thực hiện bình đẳng giới trong gia đình là vợ chồng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trong các hoạt động của gia đình, có ý thức trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ một cách công bằng; như quyền quyết định số con, khoảng cách sinh, số lần sinh, sinh con nào, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc nuôi dạy con cái... trên cơ sở chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau, tạo sự đồng thuận; sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau của cả vợ và chồng, giúp cho sự phát triển của gia đình được ổn định và bền vững, giúp cho trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, học hành tốt, lớn lên trở thành những công dân tốt của gia đình và xã hội. Bình đẳng giới sẽ tạo ra một môi trường, một thể giới công bằng, khoan dung với sự chia sẻ trách nhiệm giữa hai giới, đây chính là một thể giới phù hợp với trẻ em mà chúng ta đang xây dựng. Do vậy, muốn thực hiện tốt quyền trẻ em cần thực hiện tốt bình đẳng giới, muốn thực hiện bình đẳng giới cần thực hiện tốt quyền trẻ em.

Từ thực trạng của mối quan hệ bất bình đẳng giới trong gia đình và việc thực hiện quyền trẻ em, để bình đẳng giới là nhân tố thúc đẩy việc thực hiện quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em góp phần thúc đẩy bình đẳng giới, theo chúng tôi cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước ta cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, các chủ trương, chính sách về bình đẳng giới và thực hiện quyền trẻ em phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của trẻ em và nhân dân. Phải xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm quyền trẻ em, không thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em... để có tác dụng ngăn chặn, răn đe, giáo dục.

Thứ hai, phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, vai trò của cán bộ lãnh đạo,

quản lý cấp cơ sở trong việc thực hiện bình đẳng giới và quyền trẻ em. Các cấp, các ngành cần làm tốt việc lồng ghép vấn đề giới và thực hiện quyền trẻ em vào hoạch định chính sách, vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chương trình công tác của các cấp, các ngành.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục bằng cách đa dạng hóa và sử dụng kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền trực tiếp và gián tiếp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới, về quyền trẻ em và mối quan hệ chặt chẽ giữa bình đẳng giới với việc thực hiện quyền trẻ em, xóa dần những tư tưởng phong kiến mang định kiến giới.

Thứ tư, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi thực tế cho thấy, công tác tuyên truyền, giáo dục làm tốt nhưng trình độ nhận thức hạn chế đã cản trở người dân trong việc tiếp nhận thông tin, thay đổi thái độ và hành vi. Nâng cao trình độ dân trí không chỉ có nâng cao trình độ học vấn mà còn nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.

Thứ năm, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về trẻ em, về bình đẳng giới, như ngành lao động - thương binh và xã hội, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, Hội phụ nữ... Tăng ngân sách cho các hoạt động thực hiện quyền trẻ em và bình đẳng giới.

Thứ sáu, nâng cao hiệu quả phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn với phong trào Toàn dân bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và phong trào Xây dựng gia đình văn hóa (không có bất bình đẳng giới đồng thời thực hiện tốt quyền trẻ em).

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hữu Minh, Đặng Bích Thủy (2009), *Báo cáo kết quả đề tài: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển 1997 - 2020*, Hà Nội.

2. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tổng Cục Thống kê, UNICEF, Viện Gia đình và Giới (2006), *Kết quả Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.

3. Vụ Gia đình - Bộ Văn hóa - thể thao và du lịch (2008), *Đánh giá thực trạng năng lực chăm sóc, giáo dục trẻ em của các gia đình khu vực nông thôn phía Bắc*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

4. *Lao động nữ còn tập trung chủ yếu ở lĩnh vực có chuyên môn kỹ thuật thấp*, từ <http://www.tin247.com>, truy cập ngày 12/9/2009.

5. *Bình đẳng giới ở nước ta*, từ <http://nhandan.com.vn>, truy cập ngày 12/9/2009.